TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:240/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 236/2019/TLST-VDS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Chiếng Mỹ L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 58 Phố A, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Ông Sín Cay H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 58 Phố A, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: Hẻm 122 đường N, Tổ C, Khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2012 ngày 01/02/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hôn nhân của ông H và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L và ông H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H có 01 con chung tên Sín Hỷ K, sinh ngày 15/6/2012. Khi ly hôn ông H và bà L thỏa thuận con chung sẽ do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3]. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: ông Sín Cay H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (15/5/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H thỏa thuận con chung tên Sín Hỷ K, sinh ngày 15/6/2012 sẽ do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: ông Sín Cay H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được quyền cản trở ông Sín Cay H trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Chiếng Mỹ L và ông Sín Cay H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0033932 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thu Thảo